

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HSST
Ngày 11-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Đặng T, sinh năm 1992; tại Phú Yên; nơi thường trú: xóm 2, xã H, huyện H1, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Th, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Đặng Thị L, sinh năm 1967; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 25/2010/HSST ngày 17/9/2010. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2011 và nộp án phí ngày 26/9/2014;

Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số: 08/2012/HSST ngày 27/4/2012. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 31/3/2015 và nộp án phí ngày 09/3/2020.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1984 – Đại diện hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Thành S; địa chỉ: khu 1, phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đào Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ: xã P, huyện K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lê Khắc Q, ông Lê Thanh S. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đặng T và đối tượng tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) có mối quan hệ quen biết.

Khoảng đầu tháng 8 năm 2020, T có nói với T1 không có việc làm và không có giấy chứng minh dân. T1 nói với T gửi ảnh chân dung, T1 làm giả giấy chứng minh nhân dân để T đi cầm xe mô tô cho T1 nếu cầm được xe T1 cho tiền T. Sau khi thỏa thuận xong, T chụp ảnh chân dung của T gửi qua zalo cho T1.

Khoảng 8 giờ ngày 19/8/2020, T1 gọi điện thoại nhờ T đi cầm giúp xe mô tô. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô biển số 60F2-253.89 đến phòng trọ chờ T đến tiệm sửa xe thuộc phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương. T1 giao xe mô tô biển số 60F2-253.89 cho T điều khiển còn T1 lấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) dẫn đường T chạy theo đến phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương. T1 vào tiệm photocopy (không rõ địa chỉ) để photocopy và đưa cho T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 085149 biển số đăng ký 60F2-253.89 tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn M và 01 giấy chứng minh nhân dân số 272309283 tên Nguyễn Văn M nhưng có dán ảnh của T. T1 nói vừa mua xe mô tô trên của người tên Nguyễn Văn M nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên kêu T lấy giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn M đi cầm xe với giá từ 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Nếu T cầm được xe thì T1 cho T 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. T biết ý của T1 muốn T sử dụng giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Văn M (là giấy tờ giả) để chủ tiệm cầm đồ tin tưởng T là chủ sở hữu xe sẽ cầm với giá cao. T không biết giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 085149 là giả.

T1 tiếp tục dẫn T đến tiệm cầm đồ Thanh Sơn thuộc phường V, thị xã U, tỉnh Bình Dương. T1 dừng xe bên đường cách tiệm cầm đồ khoảng 20m. T chạy xe vào tiệm gặp ông Lê Thanh S thỏa thuận cầm xe với giá 22.000.000 đồng. Ông S gọi điện thoại cho ông Lê Khắc Q là người được bà Nguyễn Thị Cẩm H (đại diện hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Thanh Sơn) ủy quyền quản lý việc kinh doanh. Ông Q thỏa thuận với T cầm xe với giá 18.000.000 đồng và kiểm tra giấy tờ do T đưa. Ông Q nghi ngờ giấy tờ giả nên nói với T chờ Công an đến xác minh thì T đồng ý. Lúc này T1 gọi điện thoại cho T nói không cầm nữa nên T yêu cầu ông Q trả lại giấy tờ nhưng ông Q không đồng ý và nói chờ Công an

đến. T1 nói qua điện thoại kêu T bỏ chạy nên T chạy ra ngoài. Ông Q và ông S truy hô và đuổi bắt T giao cho Công an phường V. T đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng giấy tờ giả để cầm xe mô tô biển số 60F2-253.89.

Công an phường V tạm giữ đồ vật, T liệu liên quan gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn M; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2-253.89; 01 xe mô tô biển số 60F2-253.89 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAO màu vàng đồng.

Theo kết luận giám định số 476/GĐ-PC09 ngày 09/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe là giả.

Đối với xe mô tô biển số 60F2-253.89, số máy G3D4E182786, số khung 0610FY169870.

Qua tra cứu biển số 60F2-253.89 kết quả như sau: xe mô tô có biển số 60F2-253.89, nhãn hiệu Yamaha Jupier số máy E3S1E049643, số khung RLCUE1340GY020689. Xe do bà Trần Thị U đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Qua xác minh không rõ bà U đang làm gì ở đâu.

Qua tra cứu số máy G3D4E182786, số khung 0610FY169870 kết quả như sau: xe mô tô có biển số 60B3-363.84 do ông Đào Văn H1 đứng tên chủ sở hữu. Ông H1 khai mua xe vào năm 2015 với giá 53.000.000 đồng và ông H1 giao xe con tên Đào Ngọc H2 sử dụng. Ngày 17/8/2020, H2 dựng xe trước phòng trọ và bị mất. Kết quả tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên ra Quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 30/11/2020 trả lại xe mô tô trên cho ông H1. Ông H1 nhận lại T sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số: 102/CT-VKS.TU ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Bùi Đăng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa đạt và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Đăng T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chưa đạt) và từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu vàng đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đã truy tố. Bị cáo không trình bày lời bào chữa. Nói lời sau cùng bị cáo biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bùi Đăng T đã cung cấp hình ảnh để đối tượng tên T1 làm giả giấy chứng minh nhân dân. Ngày 19/8/2020, T sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả để bị hại tin tưởng nhận cầm cố xe mô tô mục đích chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng. Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, ông Q nghi ngờ giấy tờ do bị cáo cung cấp là giả nên yêu cầu chờ Công an đến kiểm tra thì bị cáo bỏ chạy và bị bắt. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa đạt theo quy định tại khoản 1 Điều 174, Điều 15 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đã truy tố bị cáo theo các tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo có cha tên Bùi Văn Th được Nhà nước Campuchia tặng thưởng huân chương hữu nghị, đây là

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trái phép đến tài sản của người khác; xâm phạm trực tiếp hoạt động chuyên môn ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Về nhận thức bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm, tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục bị cáo trở thành người dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Xét, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo thực hiện nhưng chưa đạt. Về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức bị cáo là người cung cấp hình ảnh để đối tượng tên T1 làm giả. Do đó mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ hơn.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu vàng đồng bị cáo sử dụng để liên lạc với đối tượng tên T1 trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đăng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chưa đạt) và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 15, 57 và Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đăng T 08 (tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chưa đạt).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đăng T 07 (bảy) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu vàng đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Bùi Đăng T phải nộp 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm